

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/ DS-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Thanh Hải.

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1989; nơi thường trú: Số 11/12, khu phố B, phường B1, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: Số 2/1, khu phố Bình Quới B, phường B1, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt .

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1979; nơi thường trú: Số 10/45, khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/01/2021, bà T có cho bà M vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày vay, hẹn ngày 19/4/2021 sẽ

trả cho bà T tiền gốc. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng. Từ khi vay cho đến nay, bà M chưa trả tiền gốc cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà M số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 19/4/2023 là $50.000.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 13.500.000 \text{ đồng}$ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 63.500.000 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc M trình bày: Bà M thống nhất số tiền vay, thời gian vay, bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nợ ngày 19/01/2021 là của bà M. Tuy nhiên, bà M cho rằng quá trình vay đã trả cho bà T 10.000.000 đồng tiền gốc, bà M chỉ nợ 40.000.000 đồng. Ngoài ra, bà M cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/tháng, hàng tháng bà M có trả tiền lãi cho bà T 5.000.000 đồng (đối với tiền gốc 50.000.000 đồng). Tiền gốc còn 40.000.000 đồng hàng tháng bà M chuyển khoản cho bà T nhiều lần nhưng trong một tháng đủ tiền lãi là 4.000.000 đồng thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương. Do đó, bà M chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền gốc 40.000.000 đồng và không đồng ý tiền lãi mà bà T yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà M xuất trình tin nhắn zalo mang tên Vui nhưng không có chứng cứ thể hiện tên zalo Vui chính là bà Trương Thị Thanh T nên không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cho rằng ngày 19/01/2021, bà T có cho bà M vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày vay, hạn ngày 19/4/2021 sẽ trả cho bà T tiền gốc. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/tháng. Từ khi vay cho đến nay, bà M chưa trả khoản tiền gốc nào cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà M số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 19/4/2023 là $50.000.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 13.500.000 \text{ đồng}$ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 63.500.000 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà M thống nhất số tiền vay, thời gian vay, bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nợ ngày 19/01/2021 là của bà M. Tuy nhiên, bà M cho rằng quá trình vay đã trả cho bà T tiền gốc 10.000.000 đồng, hiện có nợ bà T 40.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra, bà M cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/tháng, hàng tháng bà M có trả tiền lãi cho bà T 5.000.000 đồng (đối với tiền gốc 50.000.000 đồng). Tiền

gốc còn 40.000.000 đồng hàng tháng bà M chuyển khoản cho bà T nhiều lần nhưng trong một tháng đủ tiền lãi là 4.000.000 đồng thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh sự việc trên. Các thông tin về việc chuyển khoản không có khoản nào thể hiện bà M chuyển trả nợ tiền lãi khoản nào cho bà T.

Do vậy, căn cứ các Điều 322, 323, 327, 463, 464 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015 thì có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có cơ sở chấp nhận bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 19/01/2021, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và là loại tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn bà M hiện đang sinh sống tại phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự*: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ngày 19/01/2021: Bà M ký tên và ghi rõ họ tên vào giấy nợ, thời hạn vay ngày 19/01/2021 đến ngày 19/4/2021, bà M thừa nhận số tiền vay nói trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tính đến ngày bà T khởi kiện bà M chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà M cho rằng đã trả tiền gốc cho bà T 10.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ tiền gốc 40.000.000 đồng nhưng bà không đưa được chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra, bà cung cấp bản sao kê tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương tuy nhiên không có nội dung thể hiện đã trả tiền gốc và tiền lãi đối với khoản vay nói trên. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền gốc 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Đối với tiền lãi, bà M cho rằng hàng tháng phải trả lãi cho bà T 10%. Bà T cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T và bà M thực tế có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, bà M cho rằng hàng tháng trả tiền lãi là 10%/tháng nhưng bà không đưa ra tài liệu, chứng

cứ chứng minh. Bà T yêu cầu bà M trả tiền lãi mỗi tháng 1% tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 19/4/2023 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Điều 463, 464, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc M.

2. Buộc bà Phạm Thị Ngọc M phải trả cho bà Trương Thị Thanh T số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 19/01/2021 đến ngày 19/4/2023 là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 63.500.000 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) .

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 20/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc M phải chịu 3.175.000 đồng (ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trương Thị Thanh T số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004037 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

